PHẦN VĂN BẢN KHÁC

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9726/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt "Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025"

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được thông qua tại Kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Công văn số 5477/VPCP-KTTH ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2013 của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025" với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

1. Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được tiến hành trên nguyên tắc xác định thuốc lá là hàng hóa hạn chế kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ sự phát triển và phân bố của mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá.

2. Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá đảm bảo cho hoạt động mua bán sản phẩm thuốc lá mang tính hệ thống, đồng bộ từ khâu sản xuất đến phân phối, bán buôn, bán lẻ và các hoạt động cung ứng dịch vụ.

3. Phát triển lực lượng thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá có năng lực, đáp ứng và luôn tuân thủ các điều kiện, quy định của nhà nước về kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

II. MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Từng bước xây dựng, sắp xếp lại mạng lưới thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá theo hướng xây dựng một cấu trúc hợp lý với sự tham gia của các thành phần kinh tế và loại hình tổ chức nhằm hình thành một hệ thống các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá chuyên nghiệp, có năng lực, có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng (bao gồm các sản phẩm thuốc lá sản xuất trong nước và sản phẩm thuốc lá nhập khẩu) theo từng khu vực địa bàn trong phạm vi cả nước, nâng cao khả năng cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế; hạn chế kinh doanh tự phát, kinh doanh không có giấy phép; kiểm soát được chất lượng sản phẩm, giá cả hàng hóa; kiểm soát và hạn chế việc kinh doanh thuốc lá nhập lậu, tiến tới xóa bỏ thuốc lá bất hợp pháp trên thị trường; góp phần tích cực vào việc phòng, chống tác hại của thuốc lá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể

Tổ chức, sắp xếp lại các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá trên địa bàn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) trên cơ sở mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá hiện có theo hướng:

a) Thời kỳ đến năm 2015

Sắp xếp lại mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá gồm có: thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá và thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trong đó, thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá là thương nhân kinh doanh trên địa bàn từ hai (2) tỉnh trở lên do Bộ Công Thương

cấp phép, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá là thương nhân kinh doanh trên địa bàn một (1) tỉnh/thành phố (sau đây gọi tắt là tỉnh) do Sở Công Thương cấp phép và thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá là thương nhân kinh doanh trên địa bàn quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) do Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Kinh tế (sau đây gọi tắt là Phòng Công Thương) cấp phép.

Dự kiến đến năm 2015 với dân số cả nước khoảng 91.000.000 người sẽ có tối đa khoảng 305.517 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 364 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.820 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 303.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc (Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc) chiếm khoảng 36%; miền Trung (Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên) chiếm khoảng 28% và miền Nam (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) chiếm khoảng 37%.

Thời kỳ đến năm 2015 dự kiến cần phải có diện tích kho hàng tối thiểu khoảng 1.037.400m^2, phương tiện vận tải cần tối thiểu khoảng 2.548 chiếc xe có tải trọng từ 500kg và năng lực tài chính tối thiểu khoảng 2.548 tỷ Việt Nam đồng.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá dựa trên nguyên tắc xác định số lượng thương nhân kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo dân số, theo năng lực tài chính, theo khả năng vận tải, theo kho hàng và theo khả năng thâm nhập thị trường của từng thương nhân để thiết lập mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá ổn định.

Trong giai đoạn đến năm 2020 với dân số cả nước khoảng 94.000.000 người sẽ có tối đa khoảng 315.589 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 376 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.880 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 313.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc chiếm khoảng 36%; miền Trung chiếm khoảng 28% và miền Nam chiếm khoảng 37%.

Trong giai đoạn này dự kiến cần phải có diện tích kho hàng tối thiểu khoảng 1.071.600m^2, phương tiện vận tải cần tối thiểu khoảng 2.632 chiếc xe có tải trọng từ 500kg và năng lực tài chính tối thiểu khoảng 2.632 tỷ Việt Nam đồng.

c) Giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục sắp xếp lại số thương nhân đã tham gia phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trong giai đoạn trước để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu quản lý đặt ra trong thời kỳ này.

Trong giai đoạn này với dân số cả nước khoảng 97.000.000 người sẽ dự kiến có tối đa khoảng 325.661 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 388 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.940 thương nhân

bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 323.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc chiếm khoảng 36%; miền Trung, Tây Nguyên chiếm khoảng 28% và miền Nam chiếm khoảng 37%.

III. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI MUA BÁN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

1. Căn cứ xác định quy hoạch

Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá trên phạm vi toàn quốc được xác định theo những căn cứ sau:

a) Căn cứ lựa chọn và kiểm soát các thương nhân:

- Tại mỗi tỉnh/thành phố lựa chọn một số thương nhân kinh doanh sản phẩm thuốc lá dựa trên căn cứ về dân số, diện tích điểm bán, khả năng tài chính, khả năng vận tải, hệ thống kho bãi, loại đô thị, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của thị trường, thị hiếu người tiêu dùng và kinh nghiệm kinh doanh của thương nhân.

- Đối với các tỉnh/thành phố có lượng lượt khách du lịch lớn, Bộ Công Thương sẽ xem xét và quyết định việc bổ sung thương nhân kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương các tỉnh/thành phố kèm theo thống kê lượt khách du lịch.

b) Căn cứ lựa chọn thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá:

- Căn cứ lựa chọn thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá:

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

+ Thương nhân kinh doanh phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ hai (2) tỉnh trở lên được xác định theo số dân trên cả nước theo nguyên tắc không quá một (1) thương nhân kinh doanh phân phối sản phẩm thuốc lá trên hai trăm năm mươi nghìn (250.000) dân.

+ Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 100m^2 trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho.

+ Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có hai (2) xe có tải trọng từ 500kg trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển.

+ Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu hai (2) tỷ Việt Nam đồng trở lên).

+ Có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ hai (2) tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh phải có tối thiểu từ hai (2) thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá trở lên).

+ Có kinh nghiệm, khả năng xâm nhập thị trường để kinh doanh mặt hàng thuốc lá (thường là các thương nhân đã kinh doanh sản phẩm thuốc lá hoặc các mặt hàng tiêu dùng khác).

- Căn cứ lựa chọn thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá:

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn một (1) tỉnh được xác định trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc không quá một (1) thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá trên năm mươi nghìn (50.000) dân.

+ Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50m^2 trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho.

+ Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có một (1) xe có tải trọng từ 500kg trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển.

+ Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu một (1) tỷ Việt Nam đồng trở lên).

+ Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (phải có tối thiểu từ hai (2) thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên).

+ Có kinh nghiệm, khả năng xâm nhập thị trường để kinh doanh mặt hàng thuốc lá (thường là các thương nhân đã kinh doanh sản phẩm thuốc lá hoặc các mặt hàng tiêu dùng khác).

- Căn cứ lựa chọn thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

+ Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn huyện được xác định theo nguyên tắc không quá một (1) thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên ba trăm (300) dân.

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

+ Diện tích điểm kinh doanh tối thiểu phải từ 3m^2 trở lên (đối với điểm chuyên kinh doanh thuốc lá có diện tích tối thiểu phải từ 3m^2 trở lên; đối với điểm kinh doanh tổng hợp trong đó phải có diện tích tối thiểu dành riêng cho thuốc lá từ 0,5m^2 trở lên).

2. Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá

a) Giai đoạn đến năm 2015

Dự kiến đến năm 2015 với dân số cả nước khoảng 91.000.000 người sẽ có tối đa khoảng 305.517 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 364 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.820 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 303.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc (Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc) chiếm khoảng 36%; miền Trung (Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên) chiếm khoảng 28% và miền Nam (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) chiếm khoảng 37%.

Trong giai đoạn này dự kiến cần phải có kho hàng, phương tiện vận tải và năng lực tài chính, cụ thể như sau:

- Kho hàng trong giai đoạn này cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 1.037.400m^2 trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 36.400m^2 trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 91.000m^2 trở lên;

+ Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 910.000m^2 trở lên;

- Phương tiện vận tải trong giai đoạn này cần phải có tối thiểu khoảng 2.548 chiếc xe có tải trọng từ 500kg trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có phương tiện vận tải tối thiểu khoảng 728 xe trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có phương tiện vận tải tối thiểu khoảng 1.820 xe trở lên.

- Năng lực tài chính trong giai đoạn này cần phải có tối thiểu khoảng 2.548 tỷ Việt Nam đồng trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có năng lực tài chính tối thiểu khoảng 728 tỷ Việt Nam đồng trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có năng lực tài chính khoảng 1.820 tỷ Việt Nam đồng trở lên.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

Đến năm 2020 với dân số cả nước khoảng 94.000.000 người sẽ có tối đa khoảng 315.589 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 376 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.880 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 313.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc chiếm khoảng 36%; miền Trung chiếm khoảng 28% và miền Nam chiếm khoảng 37%.

Trong giai đoạn này dự kiến cần phải có kho hàng, phương tiện vận tải và năng lực tài chính, cụ thể như sau:

- Kho hàng trong giai đoạn này cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 1.071.600m^2 trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 37.600m^2 trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 94.000m^2 trở lên;

+ Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá cần phải có diện tích tối thiểu khoảng 940.000m^2 trở lên;

- Phương tiện vận tải trong giai đoạn này cần phải có tối thiểu khoảng 2.632 chiếc xe có tải trọng từ 500kg trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có phương tiện vận tải tối thiểu khoảng 752 xe trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có phương tiện vận tải tối thiểu khoảng 1.880 xe trở lên.

- Năng lực tài chính trong giai đoạn này cần phải có tối thiểu khoảng 2.632 tỷ Việt Nam đồng trở lên, trong đó:

+ Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá cần phải có năng lực tài chính tối thiểu khoảng 752 tỷ Việt Nam đồng trở lên;

+ Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá cần phải có năng lực tài chính khoảng 1.880 tỷ Việt Nam đồng trở lên.

c) Giai đoạn 2021 - 2025

Sắp xếp lại số thương nhân phân phối, bán buôn, bán lẻ đã kinh doanh sản phẩm thuốc lá để điều chỉnh trong giai đoạn này với dân số cả nước khoảng 97.000.000 người, dự kiến có tối đa khoảng 325.661 thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá (trong đó có khoảng 388 thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, khoảng 1.940 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, khoảng 323.333 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá), trong đó miền Bắc chiếm khoảng 36%; miền

Trung, Tây Nguyên chiếm khoảng 28% và miền Nam chiếm khoảng 37% theo nguyên tắc:

- Xem xét, sắp xếp, điều chỉnh lại thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá hợp lý theo đề nghị của các nhà cung cấp, nhu cầu của thị trường, thị hiếu người tiêu dùng và tuân thủ các nguyên tắc đặt ra trong giai đoạn này.

- Quản lý được hệ thống bán lẻ sản phẩm thuốc lá chặt chẽ hơn theo quy hoạch của địa phương, phân cấp quản lý xuống cấp xã, phường.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đối với nhà nước

a) Hàng năm tiến hành rà soát để sửa đổi, bổ sung (nếu có) các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá cho phù hợp với thực tế;

b) Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh, các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá đối với các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá nhằm tạo một hệ thống kinh doanh ổn định để chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định hiện hành của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá tới các thương nhân kinh doanh sản phẩm thuốc lá và tới các cơ quan chức năng có liên quan;

d) Đẩy nhanh quá trình hình thành và phát triển các loại hình kinh doanh sản phẩm thuốc lá hiện đại. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở kinh doanh sản phẩm thuốc lá đã được hình thành trong giai đoạn vừa qua.

2. Đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá

a) Xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường phù hợp với yêu cầu kiểm soát, quản lý của nhà nước. Tổ chức nghiên cứu thị trường, thị hiếu khách hàng để có giải pháp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại từng khu vực thị trường;

b) Xây dựng và kiểm soát hệ thống thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá thành một mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá ổn định.

3. Đối với Hiệp hội thuốc lá Việt Nam

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá;

b) Tập hợp các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá để hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm xây dựng và kiểm soát mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Sở Công Thương các tỉnh thực hiện Quyết định này, tập trung vào những công việc chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá tại các địa phương phù hợp với Quy hoạch này và các văn bản pháp luật có liên quan;

c) Hướng dẫn, kiểm tra các tỉnh trong việc quản lý và kiểm tra mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp phép;

d) Rà soát cơ chế, chính sách và pháp luật có liên quan để sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền hoặc thống nhất với các Bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung;

e) Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Đề án quốc gia về chống buôn lậu thuốc lá.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách trong Quy hoạch này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tham gia cùng các Bộ, ngành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch này, chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị có liên quan trong địa bàn triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Đối với các tỉnh đã có Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, tiến hành rà soát, nếu chưa phù hợp với Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá trên phạm vi toàn quốc phải tiến hành điều chỉnh quy hoạch;

b) Đối với các tỉnh chưa có Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, căn cứ quy hoạch này để xây dựng chi tiết quy hoạch mua bán sản phẩm thuốc lá trên địa bàn.

- Ngoài những quy định tại Quyết định này, tùy tình hình thực tế tại mỗi tỉnh để xác định số lượng thương nhân kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho phù hợp với dân số, diện tích điểm bán, nhu cầu của thị trường, thị hiếu người

tiêu dùng và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương,…. khả năng tài chính và kinh nghiệm kinh doanh của thương nhân;

- Đối với các tỉnh có lượng khách du lịch lớn, nếu có nhu cầu bổ sung thêm thương nhân kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá để phục vụ khách du lịch thì Sở Công Thương tỉnh/thành phố phải có văn bản đề nghị và đính kèm theo bản thống kê số lượng lượt khách du lịch trong 3 năm trước, dự kiến đến năm 2015, 2020 để gửi Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

c) Áp dụng các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn, tránh để thất thu ngân sách nhà nước cũng như đảm bảo sức khỏe của người tiêu dùng;

d) Báo cáo định kỳ về Bộ Công Thương tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch này;

e) Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá, các địa phương căn cứ vào Quyết định phê duyệt Quy hoạch này để cấp phép cho các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh. Trong từng thời kỳ quy hoạch, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với nhu cầu, sự phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển thương mại của từng địa phương thì kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

4. Trách nhiệm của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá

a) Phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy hoạch, hướng dẫn các doanh nghiệp trong hệ thống của mình chấp hành Quy hoạch này và các quy định khác của pháp luật;

b) Xem xét, lựa chọn các thương nhân kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá có đủ năng lực, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm thuốc lá để đề nghị Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương xem xét, quyết định cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

c) Kiểm soát mạng lưới các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá của mình, báo cáo kịp thời tới các cơ quan có thẩm quyền để xử lý những vi phạm của thương nhân (nếu có).

5. Trách nhiệm của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam

a) Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy hoạch, hướng dẫn các doanh nghiệp trong Hiệp hội chấp hành Quy hoạch này và các quy định khác của pháp luật;

b) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức việc phối hợp giữa các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá với các thương nhân kinh doanh sản phẩm thuốc lá nhằm nâng cao tính hợp tác, liên kết trong việc tiêu thụ sản phẩm thuốc lá;

c) Nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước các giải pháp, cơ chế chính sách đối với ngành thuốc lá để thực hiện quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục 1

SỐ LƯỢNG THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI, BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỐI ĐA TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG TỈNH/THÀNH PHỐ ĐẾN NĂM 2015 VỚI DÂN SỐ KHOẢNG 91.000.000 NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
	CẢ NƯỚC	**364**	**1820**	**303.333**	
	Đồng bằng sông Hồng		**416**	**68100**	
1	Hà Nội		141	23064	
2	Vĩnh Phúc		21	3448	
3	Bắc Ninh		21	3647	
4	Quảng Ninh		26	4164	
5	Hải Dương		35	5848	
6	Hải Phòng		41	6364	
7	Hưng Yên		23	3948	
8	Thái Bình		36	6048	
9	Hà Nam		16	2747	
10	Nam Định		37	6248	
11	Ninh Bình		19	3148	
	Trung du và miền núi phía Bắc		**234**	**38600**	
12	Hà Giang		15	2548	
13	Cao Bằng		10	1847	
14	Bắc Kạn		6	1147	
15	Tuyên Quang		15	2548	
16	Lào Cai		13	2247	
17	Yên Bái		15	2648	
18	Thái Nguyên		24	3948	

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
19	Lạng Sơn		17	2564	
20	Bắc Giang		33	5364	
21	Phú Thọ		29	4564	
22	Điện Biên		10	1847	
23	Lai Châu		8	1447	
24	Sơn La		22	3848	
25	Hòa Bình		17	2748	
	Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung		**391**	**64600**	
26	Thanh Hóa		69	11464	
27	Nghệ An		60	9964	
28	Hà Tĩnh		26	4264	
29	Quảng Bình		17	2948	
30	Quảng Trị		12	2147	
31	Thừa Thiên Huế		24	3864	
32	Đà Nẵng		22	3264	
33	Quảng Nam		28	4948	
34	Quảng Ngãi		24	4148	
35	Bình Định		30	5148	
36	Phú Yên		17	3048	
37	Khánh Hòa		26	4064	
38	Ninh Thuận		12	2047	
39	Bình Thuận		24	4048	
	Tây Nguyên		**106**	**18000**	
40	Kon Tum		9	1647	
41	Gia Lai		27	4564	

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
42	Đắk Lắk		36	6064	
43	Đắk Nông		10	1848	
44	Lâm Đồng		24	4148	
	Đông Nam Bộ		**315**	**51600**	
45	Bình Phước		19	3148	
46	Tây Ninh		24	3764	
47	Bình Dương		35	5848	
48	Đồng Nai		55	9064	
49	Bà Rịa - Vũng Tàu		24	4064	
50	TP.Hồ Chí Minh		158	26064	
	Đồng bằng sông Cửu Long		**358**	**59100**	
51	Long An		31	5064	
52	Tiền Giang		35	5848	
53	Bến Tre		26	4348	
54	Trà Vinh		21	3548	
55	Vĩnh Long		22	3548	
56	Đồng Tháp		34	5748	
57	An Giang		44	7348	
58	Kiên Giang		35	5848	
59	Cần Thơ		27	4164	
60	Hậu Giang		15	2647	
61	Sóc Trăng		27	4448	
62	Bạc Liêu		17	3048	
63	Cà Mau		24	4148	

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI, BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TỐI ĐA TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG TỈNH/THÀNH PHỐ ĐẾN NĂM 2020 VỚI DÂN SỐ KHOẢNG 94.000.000 NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 9726/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
	CẢ NƯỚC	**376**	**1880**	**313333**	
	Đồng bằng sông Hồng		**432**	**68910**	
1	Hà Nội		144	23088	
2	Vĩnh Phúc		22	3469	
3	Bắc Ninh		23	3668	
4	Quảng Ninh		28	4186	
5	Hải Dương		36	5869	
6	Hải Phòng		43	6386	
7	Hưng Yên		24	3969	
8	Thái Bình		37	6069	
9	Hà Nam		17	2768	
10	Nam Định		38	6269	
11	Ninh Bình		20	3169	
	Trung du và miền núi phía Bắc		**245**	**39609**	
12	Hà Giang		16	2569	
13	Cao Bằng		11	1868	
14	Bắc Kạn		7	1168	
15	Tuyên Quang		16	2569	
16	Lào Cai		14	2268	
17	Yên Bái		16	2669	

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
18	Thái Nguyên		25	3969	
19	Lạng Sơn		17	2585	
20	Bắc Giang		33	5385	
21	Phú Thọ		29	4585	
22	Điện Biên		11	1868	
23	Lai Châu		9	1468	
24	Sơn La		23	3869	
25	Hòa Bình		18	2769	
	Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung		**402**	**65662**	
26	Thanh Hóa		69	11485	
27	Nghệ An		60	9985	
28	Hà Tĩnh		26	4285	
29	Quảng Bình		18	2969	
30	Quảng Trị		13	2168	
31	Thừa Thiên Huế		24	3885	
32	Đà Nẵng		23	3286	
33	Quảng Nam		29	4969	
34	Quảng Ngãi		25	4169	
35	Bình Định		31	5169	
36	Phú Yên		18	3069	
37	Khánh Hòa		28	4086	
38	Ninh Thuận		13	2068	
39	Bình Thuận		25	4069	
	Tây Nguyên		**109**	**18376**	
40	Kon Tum		10	1668	

STT	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng thương nhân phân phối tối đa	Số lượng thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá tối đa	Số lượng thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá tối đa	Ghi chú
41	Gia Lai		27	4585	
42	Đắk Lắk		36	6085	
43	Đắk Nông		11	1869	
44	Lâm Đồng		25	4169	
	Đông Nam Bộ		**321**	**52081**	
45	Bình Phước		20	3169	
46	Tây Ninh		24	3785	
47	Bình Dương		36	5869	
48	Đồng Nai		55	9085	
49	Bà Rịa - Vũng Tàu		25	4085	
50	TP.Hồ Chí Minh		161	26088	
	Đồng bằng sông Cửu Long		**371**	**60029**	
51	Long An		31	5085	
52	Tiền Giang		36	5869	
53	Bến Tre		27	4369	
54	Trà Vinh		22	3569	
55	Vĩnh Long		23	3569	
56	Đồng Tháp		35	5769	
57	An Giang		45	7369	
58	Kiên Giang		36	5869	
59	Cần Thơ		29	4186	
60	Hậu Giang		16	2668	
61	Sóc Trăng		28	4469	
62	Bạc Liêu		18	3069	
63	Cà Mau		25	4169	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng